

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 2021

DỰ THẢO

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "<i>Vốn điều lệ</i>" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán; b. "<i>Luật Doanh nghiệp</i>" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; c. "<i>Luật Chứng khoán</i>" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019; d. "<i>Công ty</i>" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân Bay Tân Sơn Nhất. e. "<i>Đơn vị phụ thuộc</i>" bao gồm Văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty do Hội đồng quản trị phê chuẩn thành lập; f. "<i>Công ty liên kết</i>" là các đơn vị mà Công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối (dưới 50% vốn Điều lệ) được tổ chức dưới các hình thức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; g. "<i>Người quản lý doanh nghiệp</i>" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, chỉ định chức danh quản lý; h. "<i>Người điều hành doanh nghiệp</i>" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và những người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc. i. "<i>Ban Tổng Giám đốc</i>" bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc; j. "<i>Người có liên quan</i>" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán. k. "<i>(các) Cổ đông</i>" có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp luật yêu cầu được nêu trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là chủ sở hữu của các cổ phần; l. "<i>Sở giao dịch chứng khoán</i>" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "<i>Ban kiểm soát</i>" là bộ phận giám sát Hội đồng quản trị, tình hình hoạt động, quản lý và điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật, có các quyền và nghĩa vụ tại Điều 48 và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát tại Điều 51 Điều lệ này; b. "<i>Ban Tổng Giám đốc</i>" bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc; c. "<i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>" là người được Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị, được quy định tại Điều 31 Điều lệ này; d. "<i>Công ty</i>" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân Bay Tân Sơn Nhất; e. "<i>Công ty con</i>" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó; f. "<i>Công ty liên kết</i>" là các đơn vị mà Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết (mà không có thỏa thuận khác) và được tổ chức dưới các hình thức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; g. "<i>(các) Cổ đông</i>" có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào khác có sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà pháp luật yêu cầu được nêu trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là chủ sở hữu của các cổ phần; h. "<i>Cổ đông lớn</i>" là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; i. "<i>Đại hội đồng cổ đông</i>" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 và Điều 13 của Điều lệ này; j. "<i>Điều lệ Công ty</i>" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân Bay Tân Sơn Nhất; k. "<i>Đơn vị phụ thuộc</i>" bao gồm Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị phê chuẩn thành lập; l. "<i>Hội đồng quản trị</i>" là cơ quan quản lý của Công ty, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 và có các quyền hạn và nghĩa vụ tại Điều 29 của Điều lệ này; m. "<i>Luật Chứng khoán</i>" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 hoặc văn bản pháp luật thay thế hiện hành; n. "<i>Luật Doanh nghiệp</i>" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 hoặc văn bản pháp luật thay thế hiện hành; o. "<i>Ngày thành lập</i>" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		đầu; p. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; q. “Người đại diện theo pháp luật” là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, được xác định tại Điều 3 Điều lệ này; r. “Người điều hành doanh nghiệp” hoặc “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc; s. “Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn; t. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty và có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 37 Điều lệ này; u. “Sổ giao dịch chứng khoán” là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con; v. “Sổ đăng ký cổ đông” là sổ đăng ký cổ đông được quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp; w. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty theo khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và các sửa đổi kéo dài (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông thông qua; x. “Tổng Giám đốc” là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 40 của Điều lệ này; y. “Ủy ban Chứng khoán Nhà nước” là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; z. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; aa. “VSDC” có nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; bb. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; cc. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Điều lệ này.	
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Fax: (84-8) 3 8447 812	
3	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2. Hoạt động kinh doanh đa ngành, đa nghề nhưng bảo đảm tuân thủ tập trung vào	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	2. Hoạt động kinh doanh đa ngành, đa nghề. 3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký là: 1. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: mã 4179 Chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý, văn hóa phẩm (Có nội dung được phép lưu hành); nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ; xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng, cá nhân và gia đình; sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách. 2. Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): mã 9610 Chi tiết: dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng 3. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện: mã 1629	hoạt động kinh doanh cốt lõi. Hoạt động kinh doanh cốt lõi là bất kỳ ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh hoặc dòng sản phẩm/ dịch vụ nào của Công ty (bao gồm của cả các Công ty con) đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: 2.a Đóng góp từ 10% trở lên vào Tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong hai (02) năm tài chính gần nhất căn cứ theo theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty; hoặc 2.b Đóng góp từ 10% trở lên vào Tổng lợi nhuận gộp (hoặc Lợi nhuận trước thuế) hợp nhất của Công ty trong hai (02) năm tài chính gần nhất căn cứ theo theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty. 2.c Các hoạt động kinh doanh khác được Hội đồng quản trị xác định là cốt lõi, quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, tùy từng thời kỳ. 3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký là: 1. Bán lẻ tổng hợp khác: mã 4719 Chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng (trừ kinh doanh vàng miếng) bạc, đá quý, văn hóa phẩm (Có nội dung được phép lưu hành); nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ; xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (Không hoạt động tại trụ sở); máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng, cá nhân và gia đình; sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách. 2. Dịch vụ spa và xông hơi: mã 9623. Chi tiết: dịch vụ spa, xông hơi, massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng 3. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện: mã 1629 Chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<i>Chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (trừ sản xuất giường, tủ bàn, ghế) (Không hoạt động tại trụ sở)</i> 4. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận: mã 7320 5. Hoạt động viễn thông có dây (trừ dịch vụ truy cập internet): mã 6110 5. Hoạt động viễn thông không dây (trừ dịch vụ truy cập internet): mã 6120 6. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản: mã 1020 <i>Chi tiết: Chăn nuôi thủy sản, chế biến cá và thủy sản trên tàu, cung cấp nước đá lạnh bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)</i> 7. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi): mã 5210 8. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: mã 8230 9. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: mã 8299 10. Điều hành tua du lịch: mã 7912 <i>Chi tiết: Chỉ tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch</i> 11. Cắt tóc, làm đầu, gội đầu: mã 9631 12. Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở): mã 0323 13. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (<i>Không hoạt động tại trụ sở</i>): mã 1104	(<i>Không hoạt động tại trụ sở</i>) 4. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận: mã 7320 (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra) 5. Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh: mã 6110 6. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản: mã 1020 7. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: mã 5210 8. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: mã 8230 (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) 9. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: mã 8299 Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh 10. Điều hành tua du lịch: mã 7912 <i>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế</i> 11. Dịch vụ làm tóc (trừ các hoạt động gây chảy máu): mã 9621 12. Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở): mã 0321 13. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (<i>Không hoạt động tại trụ sở</i>): mã 1105 14. Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (<i>Không hoạt động tại trụ sở</i>): mã 0210	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	14. Trồng rừng và chăm sóc rừng (<i>Không hoạt động tại trụ sở</i>): mã 0210 15. Xây dựng nhà các loại: mã 4100 <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông</i> 16. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: mã 5229 <i>Chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ làm thủ tục hải quan. Dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải. Kéo xe bị hỏng. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa. Đại lý vé máy bay. Kinh doanh khai thác bến cảng. Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i> 19. Vận tải bằng xe buýt: mã 4920 21. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: mã 5221	15.1 Xây dựng nhà để ở: mã 4101 15.2 Xây dựng nhà không để ở: mã 4102 Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông 16. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: mã 5229 <i>Chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ làm thủ tục hải quan. Dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải. Kéo xe bị hỏng. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa. Đại lý vé máy bay. Kinh doanh khai thác bến cảng. Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i> 17. Bán buôn chuyên doanh khác: mã 4671 Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh 18. Bán lẻ nhiên liệu động cơ: mã 4730 trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG 19.1 Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành: mã 4921 19.2 Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh: mã 4922 19.3 Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác: mã 4929 20. Vận tải hành khách đường bộ khác: mã 4932 Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe tải nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách đường bộ 21. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt: mã 5221 (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt) 22. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: mã 5223 Chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không 23. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: mã 5225 24. Cho thuê xe có động cơ: mã 7710 25. Hoạt động cấp tín dụng khác: mã 6495 Chi tiết: đại lý đổi ngoại tệ 26. Hoạt động liên quan đến du lịch khác: mã 7990	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	26. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: mã 7920 28. Đại lý du lịch: mã 7911 29. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở): mã 3100 30. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: mã 5510 Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở) 31. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: mã 9329 Chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (Không hoạt động tại TPHCM). Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhíp điệu 32. Bảo dưỡng và sửa chữa xe mô tô, xe máy: mã 4542 33. Hoạt động tư vấn quản lý: mã 7020	27. Dịch vụ ăn uống khác: mã 5629 Chi tiết: Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không, dịch vụ cung cấp suất ăn đường sắt 28. Đại lý lữ hành: mã 7911 29.1 Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở): mã 3101 29.2 Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở): mã 3102 29.3 Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác (không hoạt động tại trụ sở): mã 3109 30. Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự: mã 5510 Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở) 31. Hoạt động vui chơi giải trí khác: mã 9329 Chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (Không hoạt động tại TPHCM). Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhíp điệu 32. Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy: mã 9532 33. Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác: mã 7020	
4	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	1. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành, được đăng ký/ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến quan đăng ký kinh doanh và được đăng tải trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (dangkykinhdoanh.gov.vn) phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. 2. Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.	
5	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông 1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.334.813.100.000 VNĐ (Một nghìn ba trăm ba mươi bốn tỷ tám trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành	1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.334.813.100.000 VNĐ (Một nghìn ba trăm ba mươi bốn tỷ tám trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	133.481.310 cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VND (mười ngàn đồng). 6. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau trong loại cổ phần đó.	thành 133.481.310 cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VND (mười ngàn đồng), trong đó: - Cổ phần phổ thông: 133.481.310 cổ phần - Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần 6. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau trong loại cổ phần đó. Trường hợp Công ty có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông. 9. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty là tổng số cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau: a) Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Công ty; b) Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán nếu có. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông; hoặc c) Cổ phần phát hành cho nhân viên theo chương trình phát hành cổ phần ưu đãi cho nhân viên (ESOP) do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn nếu có. d) Các trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 10. Khi chào bán cổ phần phổ thông, Công ty phải ưu tiên mời các cổ đông hiện hữu mua theo tỷ lệ sở hữu tương ứng. Trường hợp muốn chào bán theo cách khác, phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Công ty phải thông báo bằng văn bản về việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần và dành cho cổ đông thời hạn đăng ký mua tối thiểu là hai mươi (20) ngày làm việc. Đối với số cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị có quyền phân phối cho các đối tượng khác. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị phải ưu tiên chào bán số dư này cho các cổ đông còn lại của Công ty trước khi bán cho người ngoài. Điều kiện chào bán này không được thuận lợi hơn so với điều kiện đã mời chào cổ đông hiện hữu ban đầu, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	
6	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu và sổ đăng ký cổ đông		

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	2. Cổ phiếu là <i>loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành</i>. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. 5. Sổ đăng ký cổ đông: Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Sổ đăng ký cổ đông phải bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử có đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. 6. Sổ đăng ký cổ đông được đăng ký và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC). 7. Trường hợp có thay đổi về nội dung Sổ đăng ký cổ đông liên quan tới bất kỳ cổ đông nào, thì cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Công ty tiến hành việc điều chỉnh thông tin của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông tại VSDC. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ của cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định pháp luật.	
7	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	2. Tất cả các cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán. 3. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần ngay sau khi những thông tin về cổ đông việc chuyển nhượng cổ phần được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSDC. Chỉ các cổ đông có tên trong Sổ đăng ký cổ đông mới được coi là cổ đông hợp pháp của Công ty.	
8	Điều 11. Quyền của cổ đông 1.d Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, <i>khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp</i> và quy định khác của pháp luật có liên quan 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>sở hữu từ 5%</i> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: 2.a Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	1.d Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần và quy định khác của pháp luật có liên quan 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: 2.a Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	2.c <i>Yêu cầu Ban kiểm soát</i> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. 2.c <i>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát</i> kiểm tra và giải trình từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; 3.c Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ đông của Công ty theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi đại diện theo ủy quyền. Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông; b. Số lượng đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi đại diện theo ủy quyền; c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng đại diện theo ủy quyền; d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt được ủy quyền; và e. Họ, tên, và chữ ký của đại diện theo ủy quyền và Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông đó. Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện hoặc người đại diện của Cổ đông là tổ chức không thực hiện được các công việc được ủy quyền thì Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức đó có quyền đại diện cho Cổ đông là tổ chức đó thực hiện quyền của Cổ đông tổ chức đó.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
9	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 6.e Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện, hình thức khác đến Công ty. 9. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.	
10	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: 3.b Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. 4.a Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ đông tại cuộc họp; trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: 3.b Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết), thành viên không điều hành , thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. 3.e Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ. 4.a Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.	
11	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	1. c Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; 1.h Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; 1. g Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng có lợi ích liên quan theo Khoản 10 Điều 53 của Điều lệ này; 1.m Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; 1.n Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; 1. o Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; 1. p Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; 1.q Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên; 1.r. Mức cổ tức đối với mỗi Cổ phần của từng loại; 1.s Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại Điểm m, n, o, p, q, r Khoản 1 Điều này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 4. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	
12	Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp; hoặc văn bản ủy quyền có thể được Cổ đông gửi tới Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp chậm nhất 48 giờ trước khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
13	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 2. Danh sách cổ đông: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông <i>được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</i>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	2. Danh sách Cổ đông: Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng nhận căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng thư điện tử (email), và/hoặc qua các doanh nghiệp chuyển phát có bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký và/hoặc các hình thức khác đảm bảo đến được Cổ đông. Trường hợp Công ty gửi giấy mời họp bằng gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được lưu trữ và cung cấp bởi VSDC, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty. Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	
14	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của Cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.	
15	Điều 20. Hình thức Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: 2.e Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: 2.e Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 2.h Các nội dung khác thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này và theo quy định pháp luật.	
16	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.	
17	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.	6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty đăng tải kết quả kiểm phiếu trên trang thông tin điện tử của Công ty thì phải thực hiện trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu; 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.	
18	Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau: 2.a Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; 2.b Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên. 2.c Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; 2.d Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; 2.e Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; 2.f Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; 2.g Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.	
19	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Trường hợp công ty niêm yết, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau: 3.a Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; 3.b Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; 3.c Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	
20	Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1.c Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác. 2. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; và quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1.c Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty. 3. Thành viên độc lập HĐQT (trường hợp công ty niêm yết) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 4.a Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. 4.b Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau: 4.b.1 Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty; 4.b.2 Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; 4.b.3 Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		4.b.4 Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật; 4.b.5 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 5. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (trường hợp công ty niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	
21	Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: 2.a Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. 2.f Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Luật doanh nghiệp. 2.h Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm n Khoản 2 Điều 14 và Điều 44 Điều lệ này. 2.i Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; 2.k Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: 2.a Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Cụ thể, Hội đồng quản trị tổ chức soạn thảo kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trước ngày 31/12 của năm liền trước hoặc ngày 31/1 của năm đó. 2.b Định hướng, quyết định chiến lược và các khung chính sách về phát triển bền vững, chuyển đổi số, và quy chế quản trị rủi ro phù hợp với bối cảnh phát triển của Công ty. 2.f Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp. 2.i Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 14 và Điều 44 Điều lệ này và theo quy định pháp luật. 2.j Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và Kế toán trưởng, các thành viên trong các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và Người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những Người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; 2.l Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con và Đơn vị phụ thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác. 2.q Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	2.p Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là <i>về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.</i>	2.r Hoạt động kinh doanh cốt lõi: theo tiêu chí và do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn: việc mở rộng hoặc thu hẹp hoạt động kinh doanh cốt lõi; thay đổi mô hình, phương thức hoạt động; 2.s Lương thưởng, thù lao, chi phí của Tiểu ban và các cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị 2.t Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty. 5. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ không phải chịu trách nhiệm liên đới đối với bất kỳ hành động hay trách nhiệm nào của bất kỳ Người quản lý doanh nghiệp nào chỉ vì lý do đơn thuần là Người quản lý doanh nghiệp đó đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc chỉ định, và/hoặc được thành viên Hội đồng quản trị đó đề cử hoặc chỉ định, và/hoặc Người quản lý doanh nghiệp đó là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị. 6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là: 6.a Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; 6.b Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 30 Điều lệ này; 6.c Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; 6.d Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; 6.e Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết). 6.f Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); 6.g Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; 6.h Kết quả giám sát đối với Người điều hành khác; 6.i Các kế hoạch trong tương lai.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		7. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có các trách nhiệm sau: 7.a Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Công ty. 7.b Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. 7.c Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. 7.d Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 7.e Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. 7.f Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban ngành ngày 31/12/2020. 7.g Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Người quản lý khác của Công ty. 7.h Thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	
22	Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người quản lý khác 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. 4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiểu ban Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;	
23	Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: 3.d Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; 6. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: 3.b Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; 3.e Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo Điều lệ này trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung Phiếu biểu quyết. 3.f Giám sát và đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); 3.h Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. 3.i Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của trên 50% tổng số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Nghị quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; 3.j Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; Theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban (nếu có) và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm; 6. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 6.f Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 7. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		phân cấp cho (các) thành viên Hội đồng quản trị khác quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) thành viên Hội đồng quản trị khác được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.	
24	Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: 4.a Có đề nghị của Ban kiểm soát; 4.c Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết; 9.d Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 11. Biểu quyết 11.a Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: 4.a Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết); 4.c Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị; 4.d Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 4.e Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết; 9.d Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 11. Biểu quyết 11.a Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết; Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; 12. Thành viên của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	12. Thành viên của Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 14. Biểu quyết <u>đa số</u>: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của <u>đa số</u> thành viên HĐQT có mặt (<u>trên 50%</u>). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.	14. Biểu quyết: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định. 16. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau: 16.a Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị; 16.b Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến; 16.c Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và lập ra Biên bản kiểm phiếu; 16.d Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.	
25	Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. 4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ này và pháp luật có liên quan. 7. Nội dung được trên 50% tổng số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
26	Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp và giải trình các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.	
27	Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trưởng hợp công ty niêm yết)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	
28	Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty 1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Hoạt động của Người phụ trách quản trị Công ty phải theo quy định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. 2. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: 2.j Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc của mình;	
29	Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký Hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến tuyển dụng. 3. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu	1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký Hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến tuyển dụng. 3. Tổng giám đốc là Người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng giám Đốc phải luôn luôn hành động	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 5. Tổng giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau: 5.a Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty <i>theo phân cấp</i> của Hội đồng Quản trị; 5.b Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; 5.d Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; 5.e Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty <i>theo phân cấp</i> của Hội đồng quản trị;	theo chiều hướng tốt và quan sát lợi ích của Công ty trong việc đưa ra các quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. 4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: 4.d Tổng Giám đốc không được là Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ. 5. Tổng giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau: 5.a Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Hội đồng quản trị có quyền ban hành quy chế quản lý nội bộ về công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng giám đốc để phân cấp thẩm quyền cho phù hợp. 5.b Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt về Định hướng phát triển, Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. 5.c Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) nếu có rủi ro liên quan đến tính mạng, sức khỏe con người hoặc thiệt hại đến 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo trong vòng 24 giờ cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp; 5.d Tổ chức thực hiện và tuân thủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo thực hiện ý kiến chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị; 5.f Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; và thực hiện thẩm quyền ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo phân cấp tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; ban hành quy định quản lý nội bộ để vận hành hệ thống tổ chức điều hành của Công ty phù hợp với các quy chế và phạm vi phân cấp do Hội đồng quản trị quy định; 5.g Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; 5.j Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	5.i Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị. 6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. 7. Tư cách Tổng giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau: 7.a Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế;	5.p Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. 6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký, quyết định bổ nhiệm với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. 7. Tư cách Tổng giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau: 7.a Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế;	
30	Điều 41. Trách nhiệm của Người quản lý Công ty 1.a Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	Điều 41. Trách nhiệm của Người quản lý 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây: 1.a Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ tiền thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba theo quy định của pháp luật và, nếu áp dụng, Điều Lệ này.	
31	Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây: 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Việc công khai hóa lợi ích và Người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây: 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của họ, bao gồm:	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.	5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được trên 50% tổng thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.	
32	Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất (1%) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: 3. Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.	1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty (nếu có ủy quyền của Công ty) khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: 3. Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện. Cổ đông, nhóm Cổ đông phải duy trì điều kiện nêu tại Điều 43.1 trong suốt quá trình tố tụng.	
33	Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 2. Hội đồng quản trị chấp thuận <i>các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</i>. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây: 3.a Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;	2. Các hợp đồng, giao dịch ở khoản 1 Điều này được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này. Trong trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	3.b Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về việc các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về việc các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp. 3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết không đúng theo quy định tại Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
34	Điều 45 (cũ). Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc		
35	Điều 49 (cũ). Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên kiểm soát		
36	Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06)	Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<i>tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này.</i> <i>5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</i> <i>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</i> <i>6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</i> <i>7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty quy định tại Điều 41 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</i> <i>8. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</i> <i>9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</i> <i>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>10. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan.</i>		

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<i>18. Tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Các thông tin và tài liệu được phép tiếp cận và thu thập được mô tả như sau:</i>	Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau: - Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. - Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình. - Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác. - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông. - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc) và Người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. - Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. - Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. - Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. - Các thông tin và tài liệu Ban Kiểm soát được phép tiếp cận và thu thập được mô tả như sau:	
37	Điều 51. Cuộc họp Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Điều 49. Cuộc họp Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	
38	Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người ấy có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, một hoặc nhiều thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc/và người điều hành đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu: Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý khác hoặc thành viên HĐQT, thành viên BKS đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; hoặc	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 6. Khi tiến hành giao dịch với Người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ đông và những Người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. 7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân. 8. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân trừ trường hợp Cổ đông là Công ty con trong trường hợp Công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015. 9. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người có liên quan của Cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là Người có liên quan của Cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu giá trị giao dịch từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc phải được Hội đồng quản trị thông qua nếu giá trị giao dịch dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đồng thời tổ chức là Người có liên quan không phải là Cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 9 Điều này. 10. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: 10.a Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý khác không phải là Cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác mà Công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là Cổ đông của Công ty quy định tại khoản 9 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 10.b Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<i>Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý khác hoặc thành viên HĐQT, hoặc thành viên BKS đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</i> <i>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</i>	đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; 10.c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó. 11. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận: 11.a Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại điểm a Khoản 10 Điều này mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; 11.b Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b Khoản 10 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 11.c Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản quy định tại điểm c Khoản 10 Điều này có giá trị bằng hoặc dưới mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	
39	Điều 56. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là các việc tụng kiện do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại	Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, và người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: 3.a Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; 3.b Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. 3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, và người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: 3.a Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; 3.b Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
40	Điều 57. Quyền tra cứu sổ sách	Điều 55. Quyền tra cứu sổ sách 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này <i>có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.</i> Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật;	1.a Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; 1.b Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. 1.c Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	
41	Điều 56. Công nhân viên và công đoàn 1. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi đối với người lao động khi được yêu cầu. 2. Tổng Giám đốc phải phối hợp với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch và báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Công ty khi được yêu cầu. 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành	
42	3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	Điều 57. Phân phối lợi nhuận (Điều 59 (cũ) về Phân phối lợi nhuận và Điều 60 (cũ) về Cổ tức được nhập lại thành Điều 57 (mới) về Phân phối lợi nhuận) 5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.	
43	Điều 62. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày <i>đầu tiên của tháng một</i> hàng năm và kết thúc vào ngày <i>thứ 31 của</i> tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày <i>thứ 31 của</i> tháng 12 <i>ngay sau ngày</i> cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.	Điều 59. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.	
44	Điều 66. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.	Điều 63. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo định kỳ và bất thường theo quy định của Luật Chứng khoán, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. 2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu nhầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư	
45	Điều 68. Dấu của doanh nghiệp 1. <i>Công ty chỉ có một con dấu doanh nghiệp.</i> 2. Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ và có nội dung theo quy định của pháp luật. 3. Con dấu được đặt tại trụ sở chính của Công ty và phải được quản lý chặt chẽ. 4. <i>Trách nhiệm quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho người đại diện theo pháp luật của công ty.</i>	Điều 65. Dấu của doanh nghiệp 1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu (số lượng 01 con dấu) hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Con dấu Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ và có nội dung theo quy định của pháp luật. 2. Con dấu được đặt tại trụ sở chính của Công ty, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) và phải được quản lý chặt chẽ. 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
46	Điều 69. Bảo mật Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị, thì không một thành viên nào của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người quản lý, cổ đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công ty hoặc các	Điều 66. Bảo mật Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị, thì không một thành viên nào của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý, Người điều hành, Cổ đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công ty trừ các trường hợp cung cấp thông tin cho Cổ đông,	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	hoạt động kinh doanh của Công ty <i>mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin thuộc một trong các trường hợp sau đây:</i> <i>1. Người đại diện/người quản lý phần vốn góp tại Công ty con.</i> <i>2. Các cổ đông theo như quy định tại Điều lệ này hoặc được quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>3. Người quản lý và nhân viên của Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.</i> <i>4. Các cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông là pháp nhân và/hoặc các nhà tư vấn và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ của cổ đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.</i> <i>5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ cổ phần nào trong Công ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.</i> <i>6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</i> <i>7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà cổ đông liên quan.</i>	người quản lý, Người điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán viên và các cá nhân, tổ chức khác tuân thủ theo quy định pháp luật và theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
47	Điều 72. Thanh lý 1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	Điều 69. Thanh lý 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	

STT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: 3.b Tiền lương và <i>chi phí bảo hiểm cho công nhân viên</i>;	3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: 3.b Tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;	
48	Điều 74. Điều lệ Công ty	Điều 71. Điều lệ Công ty 3. Trong trường hợp có xung đột, các quy định bắt buộc của pháp luật Việt Nam và/hoặc quy định của Sở giao dịch chứng khoán sẽ được ưu tiên áp dụng; các điều khoản liên quan của Điều lệ có hiệu lực trong phạm vi pháp luật cho phép và vô hiệu trong phạm vi xung đột mà không ảnh hưởng đến các phần còn lại của Điều lệ.	